TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 83/2024/QĐST-DS	*Thốt Nốt, ngày 25 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 231/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc *" Tranh chấp thừa kế di sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phương N, sinh năm: 1981

Địa chỉ: KV T, phường T, Q. T, Tp .

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ – sinh năm: 1961

Địa chỉ: KV T, phường T, quận T, Tp Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: KV Q, phường T, Q. T, Tp Cần Thơ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Văn H – sinh năm: 1951

Địa chỉ: thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang

2/ Ông Phạm Văn H1 – sinh năm: 1952

Địa chỉ: KV T, phường T, Q. T, Tp Cần Thơ

3/ Bà Phạm Lệ T1 – sinh năm: 1963

Địa chỉ: ấp X, thị trấn K, H. K, Kiên Giang

4/ Bà Phạm Thị Mỹ C – sinh năm: 1965

5/ Ông Phạm Hùng E – sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: KV T, phường T, quận T, Cần Thơ

6/ Ông Phạm Văn H2 – sinh năm: 1967

Địa chỉ: khóm H, thị trấn A, H. C, tỉnh An Giang

7/ Ông Phạm Văn L – sinh năm: 1959

Địa chỉ: ấp Thạnh Hưng 2, xã Trung Hưng, huyện Cờ Đỏ, Tp Cần Thơ

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Nguyên đơn ông Nguyễn Phương N được quyền sử dụng phần đất có diện tích 160,7m^2 (ký hiệu B) thuộc thửa đất số 1037, loại đất ODT 75m^2, đất CLN 85,7m^2, hiện do ông N đang quản lý sử dụng.

2.2/ Bị đơn ông Phạm Văn Đ được hưởng thừa kế quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.328,6m^2 (ký hiệu A) thuộc thửa đất số 1037, loại đất CLN, hiện do ông Đ đang quản lý sử dụng.

2.3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng E được hưởng thừa kế quyền sử dụng phần đất có diện tích 140,4m^2 (ký hiệu C) thuộc thửa đất số 1037, loại đất ODT 75m^2, đất CLN 65,4m^2, hiện do ông Hùng E đang quản lý sử dụng.

2.4/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ C được hưởng thừa kế quyền sử dụng phần đất có diện tích 132,1m^2 (ký hiệu D) thuộc thửa đất số 1037, loại đất ODT 75m^2, đất CLN 57,1m^2, hiện do bà C đang quản lý sử dụng.

2.5/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lệ T1 được hưởng thừa kế quyền sử dụng phần đất có diện tích 207,2m^2 (ký hiệu E) thuộc thửa đất số 1037, loại đất ODT 75m^2, đất CLN 132,2m^2, hiện do bà T1 đang quản lý sử dụng.

Thửa đất số 1037, loại đất ODT, CLN, tờ bản đồ số 6 do hộ bà Võ Thị N1 đứng tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “”H” số 02777 được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp ngày 22/10/2007, đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện T (cũ), Tp . Cần Thơ (*Nay thuộc khu vực* T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ)

Vị trí, kích thước các cạnh phần đất nêu trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 381/VPĐKĐĐ, ngày 11/7/2024 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thực hiện (*Đính kèm*).

2.6/ Đối với việc thanh toán giá trị mua bán chuyển nhượng đất giữa nguyên đơn ông N với bị đơn ông Đ nêu trên đã thực hiện xong nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn chỉnh thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần đất được quyền sử dụng theo quy định.

2.7/ *Về chi phí tố tụng*: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản với tổng số tiền 8.000.000đồng. Các đương sự ông Nguyễn Phương N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng E, bà Phạm Thị Mỹ C, bà Phạm Lệ T1 phải nộp số tiền 8.000.000đồng chi phí nhưng được khấu trừ số tiền 8.000.000đồng mà ông bà đã nộp tạm ứng tại Tòa án, công nhận ông bà đã nộp xong.

2.8/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phương N phải nộp số tiền 150.000đồng án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 300.000đồng mà ông đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0004003, ngày 29/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông N được nhận số tiền chênh lệch còn lại 150.000đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lệ T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hùng E phải nộp số tiền 1.570.000đồng án phí được khấu trừ vào số tiền án phí 1.592.000đồng mà ông đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0005382, ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Ông Hùng E được nhận lại số tiền 22.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ C phải nộp số tiền 1.538.000 đồng án phí được khấu trừ vào số tiền án phí 1.737.000đồng mà bà đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0005381, ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Bà C được nhận lại số tiền 199.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Bá Lộc